

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2022/HS-ST
Ngày 18-4- 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TRÀ VINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Mu Ni

Ông Nguyễn Trung Vẹn

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Chí Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Thoa, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh, Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh tiến hành xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2022/HSST, ngày 25 tháng 01 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2022/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 3 năm 2022 đối với bị cáo:

Phạm Trung T, sinh năm 1996, tại huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nơi cư trú: Ấp R, xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 4/12; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Giới tính: Nam; con ông Phạm Văn H, sinh năm 1951 (đã chết) và bà Huỳnh Thị S, sinh năm 1953; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền án: Không có; Tiền sự: 01 lần (Ngày 09/6/2021 bị Ủy ban nhân dân huyện C xử phạt vi phạm hành chính tổng số tiền 25.000.000 đồng về hành vi “Khai thác cát lòng sông mà không có giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền” theo Quyết định xử phạt số: 1737/QĐ-XPVPHC, ngày 07/7/2021 (chưa chấp hành); Nhân thân: Xấu; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 15/11/2021 đến ngày 31/3/2022 bị bắt tạm giam cho đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Nguyễn Chánh H, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện CT, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

2. Ông Lê Phước Tr, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Khóm M, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh (Xin xét xử vắng mặt).

3. Ông Lê Phước L, sinh năm 1979; Nơi cư trú: Số A, khóm B, phường E, thành phố T, tỉnh Trà Vinh (Có mặt).

4. Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1958; Nơi cư trú: Ấp T, xã P, huyện CT, tỉnh Trà Vinh (Xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 03/8/2021, Nguyễn Chánh H thuê bị cáo Phạm Trung T đi khai thác cát sông không phép để bán lại cho người dân khu vực xã V với tiền công là 300.000 đồng/chuyến. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, bị cáo T lên ghe gỗ mang biển kiểm soát LA-01113 do Hậu chuẩn bị sẵn tại khu vực cống CV thuộc xã V, H điều khiển ghe chở bị cáo T cùng công cụ bơm, hút cát có sẵn trên ghe, hướng từ cống CV ra sông Cổ Chiên thuộc nhánh Cung Hầu để khai thác cát sông.

Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, khi đến vị trí khai thác đã chọn trên sông Cổ Chiên nhánh Cung Hầu, H chỉ đạo bị cáo T đến trực tiếp cầm giữ lái, điều khiển ghe và cố định ghe để H đến phần mũi ghe đặt ống hút cát xuống đáy sông và khởi động máy hút cát sông cho vào khoang chứa của ghe. Đến khoảng hơn 20 giờ, khi đang khai thác, H phát hiện phương tiện tuần tra của lực lượng kiểm tra nên H dừng hút cát, kéo ống hút cặp vào thành ghe và kêu bị cáo T trực tiếp điều khiển ghe chạy khỏi vị trí hút cát, sau đó H đến thay bị cáo T điều khiển ghe tiếp tục bỏ chạy nhưng Tổ kiểm tra xử lý các hoạt động khai thác khoáng sản huyện C đã kịp thời kiểm tra, phát hiện và yêu cầu xuất trình giấy tờ có liên quan đến hoạt động khai thác cát sông nhưng H và bị cáo T không xuất trình được giấy phép khai thác khoáng sản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, Tổ kiểm tra đã tiến hành lập biên bản sự việc quá tang và tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm.

Ngày 06/8/2021, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Trà Vinh cung cấp thông tin về vị trí, tọa độ khai thác khoáng sản như sau: Vị trí tọa độ X: 1093583; Y: 0604101 trên sông Cổ Chiên thuộc xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Tại vị trí này Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh không cấp phép khai thác khoáng sản cho tổ chức, cá nhân nào. Do đó, việc khai thác cát của bị cáo T tại khu vực có tọa độ nêu trên là khai thác cát trái phép.

Ngày 01/10/2021, Trung tâm Giám định chất lượng xây dựng thuộc Chi cục Giám định xây dựng Trà Vinh có Báo cáo số 12/BC-TTGD về kết quả khảo sát hiện trạng, xác định khối lượng tang vật vi phạm (cát sông) là 11,98 m³.

Ngày 09/11/2021, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự tỉnh Trà Vinh có kết luận định giá tài sản số 07/BKLĐGTS định giá trị tài sản (cát sông) là 718.800 đồng.

Ngày 05/11/2021, Trung tâm giám định chất lượng xây dựng thuộc Chi cục giám định xây dựng tỉnh Đồng Tháp có báo cáo kết quả giám định vật liệu xây dựng

số 051121-2/BCGD-TTGD kết luận khối lượng cát sông do T và H khai thác không phép bị tạm giữ là loại cát sông, hạt mịn. Căn cứ Điều 64 Luật Khoáng sản năm 2010, xác định là khoáng sản.

Riêng đối với hành vi của Nguyễn Chánh H chưa có tiền án, tiền sự về hành vi khai thác khoáng sản không có giấy phép khai thác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, khối lượng khoáng sản khai thác chưa đủ định lượng. Xét thấy hành vi của Nguyễn Chánh H chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên không truy cứu trách nhiệm hình sự, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Trà Vinh đã đề nghị Công an huyện C xem xét xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tài nguyên khoáng sản đối với Hậu.

- Việc thu giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Trà Vinh thu giữ tang vật, phương tiện là vật chứng của vụ án gồm:

- Cát sông khối lượng 11,98m³;

- 01 (một) Ghe gỗ mang biển kiểm soát LA-01113, loại ghe bầu, kích thước 16,1 x 4,47 x 2,5 mét, ghe đã qua sử dụng.

- 01 (một) cái máy chính (máy đẩy) nhãn hiệu HUYNDAI, loại máy dầu có 06 xi lanh, đã qua sử dụng.

- 01 (một) cái máy hút cát, nhãn hiệu DAEWOO, loại máy dầu có 06 xi lanh, đã qua sử dụng.

- 01 (một) cái máy nổ bơm nước, không nhãn hiệu, loại máy dầu D6 có 01 xi lanh, đã qua sử dụng.

- 01 (một) cái quạt hút (tu huyết) bằng sắt, đã qua sử dụng.

- 01 (một) ống hút cát dài khoảng 17m đã qua sử dụng, trong đó có một đoạn bằng nhựa dẻo màu xanh dài khoảng 15,5m, đường kính 168mm và một đoạn bằng kim loại dài khoảng 1,5m, đường kính 200mm.

Quá trình điều tra xác định nguồn gốc vật chứng là ghe gỗ mang biển kiểm soát LA – 01113 cùng hệ thống máy bơm, hút cát lắp đặt trên ghe thuộc quyền sở hữu của ông Lê Phước Tr mua từ người khác tại tỉnh Long An và hiện nay do bà Lê Thị Bích T đứng tên sở hữu, năm 2016, do không còn nhu cầu sử dụng nên ông Tr giao lại ghe gỗ trên cho em ruột ông Lê Phước L. Sau đó, ông L cho ông Nguyễn Chánh H thuê với giá là 10.000.000 đồng/năm theo hợp đồng ký ngày 10/11/2020 (hợp đồng tự thỏa thuận, không công chứng). Nên Cơ quan điều tra ra Quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại phương tiện, công cụ trên cho ông Lê Phước Tr và ông Lê Phước L.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Phạm Trung T khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo và thừa nhận bản cáo trạng mô tả và truy tố bị cáo về tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” là đúng với hành vi của bị cáo thực hiện, bị cáo không bổ sung tài liệu, chứng cứ gì mới tại phiên tòa hôm nay.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh: Sau khi phân tích các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng công khai tại phiên tòa hôm nay đã thể hiện ngày 07/7/2021, bị cáo Phạm Trung T thực hiện hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) không phép đã bị Ủy ban nhân dân huyện C xử phạt vi phạm hành chính số tiền 25.000.000 đồng chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính thì vào ngày 03/8/2021, bị cáo Phạm Trung T thực hiện hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) không có giấy phép, tại vị trí tọa độ X:1093583, Y:0604101 trên thủy phận sông Cổ Chiên, thuộc xã V, huyện C, tỉnh Trà Vinh với khối lượng 11,98m³ có giá trị 718.800 đồng và căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã đủ căn cứ quy kết bị cáo Phạm Trung T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Vị Kiểm sát viên quyết định giữ nguyên nội dung bản cáo trạng truy tố bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Ngoài ra, Vị còn đề nghị Hội đồng xét xử xử lý tang vật, buộc bị cáo phải nộp án phí và dành quyền kháng cáo cho những người tham gia tố tụng theo quy định pháp luật.

Bị cáo và người tham gia tố tụng khác không tham gia tranh luận tại phiên tòa.

Lời nói sau cùng của bị cáo Phạm Trung T: Bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát, những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 268 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh.

[2] về nội dung vụ án: Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Phạm Trung T thừa nhận vào ngày 07/7/2021 bị cáo đã bị Ủy ban nhân dân huyện C xử phạt vi phạm hành chính với số tiền 25.000.000 đồng về hành vi khai thác khoáng sản không có giấy phép, bị cáo chưa chấp hành. Bị cáo biết rõ hành vi khai thác cát sông trái phép là vi phạm pháp luật, nhưng đến ngày 03/8/2021 bị cáo tiếp tục thực hiện hành vi khai thác khoáng sản (cát sông) không có giấy phép tại địa phận sông Cổ Chiên, thuộc xã

V, huyện C, tỉnh Trà Vinh với khối lượng 11,98m³ và bị phát hiện bắt quả tang. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo hoàn toàn thống nhất kết luận giám định số: 07/BKLĐGTS ngày 28/4/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự tỉnh Trà Vinh, kết luận giá trị tài sản cát sông, khối lượng 11,98m³ có tổng giá trị tài sản định giá là 718.800 đồng. Đồng thời, bị cáo thừa nhận các lời khai của bị cáo tại cơ quan Điều tra là do bị cáo tự nguyện khai, không có sự ép buộc, dụ dỗ hay bị bức cung, nhục hình nên có cơ sở xác định lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra là khách quan, trung thực nhất hoàn toàn với lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay và phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác trong quá trình điều tra thu thập. Do đó, có cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Phạm Trung T phạm vào tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên” quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 227 Bộ luật Hình sự có khung hình phạt là bị phạt tiền từ 300.000.000 đồng đến 1.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm. Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật về khung hình phạt và tội danh.

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trật tự quản lý của Nhà nước về khai thác tài nguyên, đồng thời gây ra dư luận không tốt trong quần chúng nhân dân bởi hiện nay tình trạng các tổ chức, cá nhân ngang nhiên khai thác tài nguyên, khoáng sản là cát sông trong khi không được sự cấp phép của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền nhằm mục đích trục lợi bản thân bị cáo biết rõ hành vi khai thác tài nguyên (cát) là vi phạm pháp luật, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi này nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, thể hiện bị cáo xem thường pháp luật, thời gian qua việc khai thác cát sông khu vực sông Cổ Chiên không có giấy phép ngày càng tăng và quy mô ngày càng lớn, gây ra sự thay đổi dòng chảy làm sạt lở bờ sông cụ thể khu vực hai bên bờ sông Cổ Chiên trong các năm qua nên với sự lãnh chỉ đạo các ngành chức năng tỉnh phải tăng cường tuần tra bắt và xử lý nghiêm, với hành vi phạm tội của bị cáo cần cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt và có tác dụng phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cho bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo như: bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay bị cáo thành thật khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ cần được xem xét cho bị cáo theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[4] Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thẩm tra các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, thấy rằng các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, của người bào chữa đều đúng với quy định của pháp luật, những người tham gia tố tụng không có khiếu nại hoặc có ý kiến nào khác phản đối các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tiến hành tố tụng nên các quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và hành vi của người có thẩm quyền tố tụng đều hợp pháp.

[5] Về tang vật thu giữ: Cát sông khối lượng 11,98m³ tịch thu sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Về án phí: Bị cáo Phạm Trung T phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[7] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Trà Vinh phù hợp quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 268, Điều 269 và Điều 299 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tuyên bố bị cáo Phạm Trung T phạm tội “Vi phạm quy định về khai thác tài nguyên”.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 227; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt bị cáo Phạm Trung T 01 (Một) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31 tháng 3 năm 2022.

Về tang vật thu giữ: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước: Cát sông khối lượng 11,98m³.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc bị cáo Phạm Trung T nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày án sơ thẩm đã tuyên. Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TANDCC;
- VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Trà Vinh;
- Phòng hồ sơ - CA tỉnh Trà Vinh;
- TTG - CA tỉnh Trà Vinh;
- Cục THADS tỉnh Trà Vinh;
- CA huyện C;
- Bị cáo;
- Những người TGTT;
- Lưu;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Văn Thành